

Số: 22/2024/QĐST-DS

Sơn Dương, ngày 01 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 65/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị H**, sinh năm 1986; Địa chỉ: **Tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang**.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1986; Địa chỉ: **Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang**.

Bà **Phạm Thị H1**, sinh năm 1989; Địa chỉ: **Tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang**.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông **Nguyễn Thành T**: bà **Phạm Thị H1**, sinh năm 1989; Địa chỉ: **Tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang**.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về giải quyết tranh chấp:**

- Ông **Nguyễn Thành T** và bà **Phạm Thị H1** có nghĩa vụ thanh toán cho bà **Bùi Thị H** số tiền gốc là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng). Chia ra, ông **Nguyễn Thành T** phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà **Bùi Thị H** số tiền

90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng); bà **Phạm Thị H1** phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà **Bùi Thị H** số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng);

*Khoản tiền phải trả kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu ông **Nguyễn Thành T** và bà **Phạm Thị H1** chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

* Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của toàn bộ vụ án 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Chia ra, ông **Nguyễn Thành T** phải chịu 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà **Phạm Thị H1** phải chịu 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà **Bùi Thị H** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà **Bùi Thị H** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001501605, ngày 18 tháng 7 năm 2024 ký bởi **Công ty Cổ phần T1** và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001439, ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- THADS huyện Sơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lê Tuấn Linh